

KẾ HOẠCH

**ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động
của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025**
*(đã được Văn phòng Trung ương Đảng thẩm định
tại Công văn số 911-CV/VPTW, ngày 28-12-2021)*

Thực hiện Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10-8-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành kèm theo Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021 - 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 như sau:

I- CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

1. Các văn bản của Đảng

- Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01-7-2014 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Chỉ thị số 41-CT/TW, ngày 24-3-2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường phối hợp và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Quyết định số 273-QĐ/TW, ngày 03-3-2015 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin diện rộng của Đảng.

- Quyết định số 189-QĐ/TW, ngày 19-4-2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về ban hành Kiến trúc tổng thể công nghệ thông tin và truyền thông thống nhất trong các cơ quan đảng Phiên bản 1.0.

- Quyết định số 27-QĐ/TW, ngày 10-8-2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng ban hành kèm theo Chương trình ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan đảng giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi tắt là Chương trình 27).

- Quy định số 269-QĐ/TW, ngày 25-11-2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về thực hiện giao dịch điện tử trong hoạt động của các cơ quan đảng.

- Quy định số 217-QĐ/TW, ngày 02-01-2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về quy định gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng và trên mạng Internet.

2. Các văn bản của Nhà nước

- Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, ngày 25-6-2015.

- Luật Cơ yếu số 05/2011/QH13, ngày 26-11-2011.

- Luật Bảo vệ bí mật nhà nước số 29/2018/QH14, ngày 15-11-2018.

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, ngày 13-6-2019.

- Nghị định số 73/2014/NĐ-CP, ngày 05-9-2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Nghị định số 40/2020/NĐ-CP, ngày 06-4-2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

- Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03-6-2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030".

- Quyết định số 2289/QĐ-TTg, ngày 31-12-2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030.

- Quyết định số 2323/QĐ-BTTTT, ngày 31-12-2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 2.0.

3. Các văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy

- Quyết định số 1640-QĐ/TU, ngày 23-4-2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và bảo vệ mạng thông tin điện rộng của Đảng bộ tỉnh;

- Quy định số 1393-QĐ/TU, ngày 27-6-2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số trong các cơ quan đảng tỉnh;

- Quy định số 1643-QĐ/TU, ngày 01-4-2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc gửi, nhận văn bản điện tử trên mạng thông tin điện rộng của Đảng bộ tỉnh và trên mạng Internet

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động của Tỉnh ủy và các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy,

đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc và cải cách hành chính trong đảng; tăng cường kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu, phát triển, nâng cấp các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, hỗ trợ tích cực, hiệu quả cho công tác tham mưu, thông tin, phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, đồng thời bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan đảng phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Ứng dụng CNTT

- Nhận chuyển giao, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ dùng chung, các ứng dụng nội bộ do các cơ quan Trung ương phát triển và chuyển giao. Sử dụng hiệu quả hệ thống thư công vụ của tỉnh do Sở Thông tin và Truyền thông trực tiếp quản lý, điều hành.

- Cập nhật văn kiện Đảng bộ tỉnh, văn kiện đảng bộ huyện, thành phố gắn với số hóa 100% tài liệu gắn tệp và đưa vào khai thác, sử dụng trên mạng máy tính theo quy định.

- Cập nhật kịp thời và khai thác có hiệu quả các thông tin, số liệu trong công tác tham mưu, tổng hợp, phục vụ, công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành trên hệ thống thông tin tổng hợp và các hệ thống thông tin chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung.

- 100% các văn bản, tài liệu chính thức có nội dung không mật được ký số, xử lý, gửi/nhận trên mạng máy tính giữa các cơ quan đảng các cấp và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội; các văn kiện, tài liệu được số hoá kịp thời và đưa vào khai thác trên mạng máy tính theo quy định. Các văn bản điện tử có độ mật được bảo đảm bởi các giải pháp của Ban Cơ yếu Chính phủ.

- 100% cán bộ, công chức được tập huấn, hướng dẫn có đủ trình độ, kỹ năng để khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng phục vụ công tác.

2.2. Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật

- Kết nối mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh với băng thông rộng, kết nối Internet có quản lý qua mạng truyền số liệu chuyên dùng của Đảng, Nhà nước, đáp ứng yêu cầu sử dụng, ổn định, an toàn của các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy theo hướng hiện đại (tiêu chuẩn Tier II, có dự phòng), có mô hình kiến trúc thống nhất trong các cơ quan

Đảng, đáp ứng yêu cầu dùng chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống hội nghị trực tuyến của Tỉnh ủy đến các huyện ủy, thành ủy, đáp ứng yêu cầu tổ chức hội nghị trực tuyến thông suốt từ Trung ương đến cấp huyện và phục vụ hội nghị trực tuyến trong nội bộ tỉnh.

- Bổ sung, thay thế thiết bị mạng và hệ thống an toàn thông tin cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; thay thế các máy tính cấu hình thấp nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu sử dụng, xử lý công việc của cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng.

2.3. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin toàn bộ hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh, đồng thời đáp ứng yêu cầu cập nhật, khai thác, xử lý, lưu trữ dữ liệu và phát triển các ứng dụng CNTT.

- Thiết lập hệ thống thu thập, phân tích sự kiện cơ bản và có kết nối với Hệ thống giám sát, an toàn, an ninh thông tin mạng của các cơ quan đảng ở Trung ương.

- 100% các máy tính được cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền và các phần mềm giám sát an ninh mạng.

III- NHIỆM VỤ

1. Về xây dựng, nâng cấp hoàn thiện hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng

- Xây dựng Cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy trên mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh và mạng Internet với các chuyên mục phù hợp nhằm tạo kênh thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin góp ý, phản ánh của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

- Tiếp nhận và đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ dùng chung, các ứng dụng nội bộ do các cơ quan Trung ương xây dựng, nâng cấp và chuyên giao, cụ thể:

+ Hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp dùng chung cho các cơ quan đảng trong mạng thông tin diện rộng của Đảng.

+ Hệ thống cơ sở dữ liệu tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị.

+ Hệ thống thông tin ngành Tuyên giáo.

+ Hệ thống thông tin ngành Nội chính.

+ Hệ thống thông tin ngành Dân vận.

+ Hệ thống thông tin chuyên ngành của Ban Kinh tế Trung ương.

- + Hệ thống thông tin ngành Đối ngoại.
- + Hệ thống thông tin ngành Kiểm tra Đảng.
- + Hệ thống thông tin của Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ cán bộ Trung ương.
- + Cổng thông tin điện tử của Đảng trên Internet.
- + Hệ thống thu thập, tổng hợp thông tin trên Internet.
- + Hệ thống thông tin điện tử Tuyên giáo trên Internet (mạng xã hội - VCNet).
- + Hệ thống thông tin của Ban Tuyên giáo Trung ương trên Internet để tổ chức, phổ biến, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.
- + Hệ thống thông báo, tương tác, họp nội bộ trực tuyến an toàn.
- + Hệ thống thông tin tổng hợp: Phiên bản tại Văn phòng Trung ương Đảng và Phiên bản tại các tỉnh uỷ, thành uỷ.
- + Phần mềm hệ thống thông tin quản lý tài liệu số hoá lưu trữ.
- + Phần mềm Quản lý cuộc họp (phòng họp không giấy tờ).
- + Các phần mềm về quản lý tài chính, tài sản của Đảng: Phần mềm quản lý tài sản trong hệ thống cơ quan đảng, phần mềm quản lý dự án, phần mềm quản lý đảng phí và phần mềm quản lý tài chính.
- + Hệ thống thông tin theo dõi kết quả thực hiện nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, ban chấp hành/ban thường vụ tỉnh uỷ, huyện uỷ, thành uỷ.
- + Phần mềm quản lý đơn, thư khiếu nại, tố cáo.
- + Hệ thống đào tạo trực tuyến của các cơ quan đảng.

2. Về hạ tầng kỹ thuật

- Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh uỷ.
- Xây dựng hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin.
- Xây dựng hệ thống Hội nghị trực tuyến của Tỉnh uỷ.
- Xây dựng Cổng thông tin điện tử của Tỉnh uỷ.
- Bổ sung, nâng cấp thiết bị mạng và hệ thống an toàn, an ninh thông tin.
- Bổ sung, thay thế máy vi tính và thiết bị CNTT.

3. Về bảo đảm an ninh, an toàn thông tin

- Rà soát, cập nhật và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục Trung tâm tích hợp dữ liệu và hệ thống mạng; triển khai các giải pháp bảo mật, sản phẩm mật mã, hệ thống chứng thực chữ ký số của Ban Cơ yếu Chính phủ; phối hợp giám sát an toàn thông tin trong mạng thông tin diện rộng của Đảng và

trên mạng Internet đúng theo chỉ đạo, hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng.

- Các trang thiết bị CNTT, phần mềm ứng dụng phải được kiểm tra, rà soát trước khi đưa vào sử dụng.

- Thực hiện bảo trì theo định kỳ thiết bị, phần mềm CNTT.

- Định kỳ kiểm tra, rà soát, đánh giá hệ thống mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin.

- Triển khai phần mềm diệt virus và hệ thống tự động cập nhật phiên bản vá lỗi hệ điều hành trong mạng thông tin diện rộng của Đảng bộ tỉnh.

- Thuê các dịch vụ phù hợp để bảo đảm an toàn, an ninh thông tin đối với các phần mềm ứng dụng trên mạng Internet.

4. Về nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT

- Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức cho cán bộ lãnh đạo CNTT với nội dung: Nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của CNTT trong phát triển kinh tế, xã hội; đào tạo năng lực lãnh đạo thông tin, khả năng định hướng, lập kế hoạch và kiểm soát thực hiện ứng dụng CNTT.

- Mở các lớp tập huấn cho cán bộ, công chức các cơ quan đảng về sử dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ dùng chung, các ứng dụng nội bộ do cơ quan Trung ương phát triển và chuyển giao; kỹ năng khai thác, tra cứu thông tin trên mạng thông tin diện rộng của Đảng và trên mạng Internet; cách cài đặt, cập nhật phần mềm diệt virus...

5. Xây dựng văn bản

Xây dựng ban hành văn bản quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động ứng dụng CNTT và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; các quy định, hướng dẫn liên quan tới chế độ, chính sách, tổ chức bộ máy, thi đua khen thưởng.

IV- KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương

2. Tổng kinh phí dự kiến: 34,538 tỷ đồng (trong đó nguồn vốn chi đầu tư phát triển: 31,938 tỷ đồng; nguồn vốn chi thường xuyên: 2,6 tỷ đồng).

Trong đó:

- Kinh phí đã được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12-3-2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh là: **25,038** tỷ đồng.

- Kinh phí cần bổ sung: **9,5** tỷ đồng (trong đó nguồn vốn chi đầu tư phát triển: 6,9 tỷ đồng; nguồn vốn chi thường xuyên: 2,6 tỷ đồng).

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2021 đến 2025.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thường trực Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo thực hiện Kế hoạch này.

2. Văn phòng Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo đúng nội dung, lộ trình Kế hoạch đã đề ra; tổng hợp báo cáo, đề xuất Thường trực Tỉnh ủy biết, chỉ đạo và tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc bảo đảm cho sự thành công của Kế hoạch.

- Chủ trì tiếp nhận các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng do các cơ quan đảng ở Trung ương chuyển giao. Xây dựng và triển khai các dự án được giao theo kế hoạch hằng năm.

- Hướng dẫn các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đảng ủy xã, phường, thị trấn tổ chức ứng dụng CNTT trong cơ quan, đơn vị mình.

- Chủ trì tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ, hỗ trợ kỹ thuật đối với các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các đảng ủy xã, phường, thị trấn.

- Hàng năm tổng hợp, tham mưu Thường trực Tỉnh ủy báo cáo kết quả phát triển và ứng dụng CNTT về Văn phòng Trung ương Đảng theo quy định.

3. Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh bố trí đủ kinh phí để triển khai thực hiện Kế hoạch theo đúng nội dung, tiến độ đã đề ra.

4. Công an tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan đảng trong việc giám sát, kiểm tra lộ lọt thông tin, bí mật nhà nước trên các mạng máy tính; kiểm tra an ninh các thiết bị, phần mềm CNTT trước khi đưa vào sử dụng.

5. Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có trách nhiệm phối hợp thực hiện Kế hoạch này.

VI- DỰ KIẾN KẾT QUẢ CỦA KẾ HOẠCH

1. Dự kiến hiệu quả

Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 thành công sẽ mang lại nhiều hiệu quả thiết thực:

- Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy hoạt động liên tục, ổn định, đáp ứng yêu cầu dùng chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

- Chủ động triển khai các cuộc họp trực tuyến theo yêu cầu của Trung ương, của Tỉnh ủy, bảo đảm tiết kiệm thời gian và chi phí đi lại.

- Các thiết bị tin học được bổ sung, thay thế kịp thời đáp ứng yêu cầu sử dụng của cán bộ, công chức.

- Việc trao đổi thông tin, gửi/nhận được thực hiện thông suốt trong nội bộ cơ quan đảng các cấp và giữa cơ quan đảng với cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, bảo đảm nhanh chóng, tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Chất lượng hoạt động của các cơ quan đảng được nâng lên, thời gian, chi phí giảm do khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và các phần mềm ứng dụng dùng chung.

2. Dự kiến rủi ro có thể xảy ra

Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025 có thể sẽ không mang lại hiệu quả thiết thực như mong muốn, có thể vì những lý do chủ quan như sau:

- Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của việc triển khai thực hiện Kế hoạch đúng lộ trình, mục tiêu, yêu cầu đã đề ra.

- Không thực hiện đồng bộ giữa đầu tư hạ tầng kỹ thuật với triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, với tập huấn, hướng dẫn sử dụng.

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật dàn trải, không đáp ứng yêu cầu triển khai hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng.

- Cán bộ chuyên trách CNTT không đủ về nhân lực và trình độ chuyên môn để quản trị, vận hành hệ thống và khắc phục kịp thời các sự cố.

Dự kiến các biện pháp phòng ngừa, xử lý rủi ro

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm đối với cán bộ lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Gắn xây dựng hạ tầng kỹ thuật và triển khai các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng với tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ trực tiếp quản lý, vận hành hệ thống trang thiết bị.

- Xác định tập huấn, hướng dẫn nâng cao kỹ năng ứng dụng các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ dùng chung, phần mềm ứng dụng đối với tất cả cán bộ, công chức các cơ quan đảng là nhiệm vụ quan trọng, bảo đảm đạt các mục tiêu Kế hoạch đã đề ra.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng (b/c),
- Các đ/c Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

A Pốt

PHỤ LỤC
TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC DỰ ÁN HOẶC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Kế hoạch số 44-KH/TU, ngày 18-01-2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

1. Nguồn đầu tư phát triển

a) Các dự án/nhiệm vụ đã có chủ trương đầu tư

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Dự kiến phân kỳ đầu tư hằng năm				
					2021	2022	2023	2024	2025
1	Xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu của Tỉnh ủy	Theo hướng hiện đại (tiêu chuẩn Tier II, có dự phòng), có mô hình kiến trúc thống nhất trong các cơ quan Đảng, đáp ứng yêu cầu dùng chung cho các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.	2022	7.901		7.901			
2	Xây dựng phòng họp trực tuyến tại Tỉnh ủy	Đầu tư các trang thiết bị hội nghị trực tuyến hiện đại, tiên tiến cho điểm cầu trung tâm tại hội trường Tỉnh ủy để kết nối, tham gia các cuộc họp, hội nghị trực tuyến do Trung ương tổ chức và tổ chức các cuộc họp trực tuyến với các huyện ủy, thành ủy.	2022	12.512		12.112			
3	Xây dựng phòng họp trực tuyến tại các huyện ủy, thành ủy	Đầu tư các thiết bị đầu cuối hội nghị truyền hình trực tuyến cho các điểm cầu tại các hội trường huyện ủy, thành ủy kết nối với điểm cầu trung tâm tại Tỉnh ủy.	2022	2.300		2.300			

4	Bổ sung, nâng cấp thiết bị mạng và hệ thống an toàn, an ninh thông tin	Đầu tư bổ sung, thay thế các hệ thống mạng, thiết bị mạng, thiết bị bảo mật an toàn, an ninh thông tin và các thiết bị CNTT cũ, hỏng, không khắc phục được tại các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các huyện ủy, thành ủy; các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.	2022	2.325		2.325			
Tổng cộng				25.038		25.038			

b) Các dự án/nhiệm vụ cần bổ sung

Số TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Dự kiến phân kỳ đầu tư hằng năm				
					2021	2022	2023	2024	2025
1	Xây dựng hệ thống thu thập và giám sát an toàn thông tin	Thiết lập hệ thống thu thập và phân tích sự kiện cơ bản tại Tỉnh ủy (SIEM).	2023-2025	800			400	200	200
2	Xây dựng Cổng thông tin điện tử của Tỉnh ủy	Tạo kênh thông tin tuyên truyền về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng; tiếp nhận và xử lý kịp thời thông tin góp ý, phản ánh của cán bộ, đảng viên và nhân dân.	2023-2025	600			400	200	
3	Bổ sung, thay thế	Bổ sung, thay thế các máy tính và thiết bị	2022-2025	5.500		1.500	2.000	1.000	1.000

	máy vi tính và thiết bị CNTT	CNTT cũ, lạc hậu bảo đảm tất cả cán bộ, công chức trong các cơ quan đảng có máy tính kết nối mạng để trao đổi, xử lý thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.							
Tổng cộng				6.900		1.500	2.800	1.400	1.200

2. Nguồn kinh phí chi thường xuyên

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Tên dự án/nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Dự kiến kinh phí	Dự kiến phân kỳ đầu tư hằng năm				
					2021	2022	2023	2024	2025
1	Triển khai cài đặt	Cài đặt các hệ thống thông tin chuyên ngành, dịch vụ dùng chung, phần mềm ứng dụng do các cơ quan Trung ương xây dựng, chuyển giao cho tất cả các máy vi tính của cán bộ, công chức các cơ quan đảng.	2022-2025	400	-	100	100	100	100
2	Đào tạo, tập huấn	Tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nâng cao nhận thức về vai trò và vị trí của CNTT cho cán bộ lãnh đạo CNTT; tập huấn, hướng dẫn sử dụng cho tất cả cán bộ, công chức các cơ quan đảng.	2022-2025	700	-	200	200	200	100
3	Số hóa tài liệu và cập nhật dữ liệu	Tất cả các văn bản, tài liệu được khai thác, sử dụng trên mạng theo quy định phải được số hóa và cập nhật kịp thời vào các cơ sở dữ liệu	2022-2025	1.300	-	200	500	400	200

4	Bảo trì hệ thống	Bảo trì trang thiết bị, cập nhật các phần mềm, dịch vụ được thực hiện theo định kỳ, bảo đảm sự hoạt động liên tục, ổn định và an toàn.	2023-2025	200	-	-	50	50	100
Tổng cộng:				2.600		500	850	750	500